

Bản án số: 233/2017/HSST
Ngày 08-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 253/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2017/HSST-QĐ ngày 24/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn M (tên gọi khác: C), sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Khu phố L1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn M, sinh năm 1958 và con bà Phạm Thị Y, sinh năm 1963; bị cáo có 1 em ruột sinh năm 1984; bị cáo có vợ tên Trần Thúy V, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và có 02 con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 22/3/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời gian 03 tháng về việc sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo bị bắt giam ngày 31/12/2016, có mặt.

2. Trần Văn H (tên gọi khác: B), sinh năm 1984 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Khu phố L1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn M, sinh năm 1958 và con bà Phạm Thị Y, sinh năm 1963; bị cáo có 1 anh ruột sinh năm 1983; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 13/8/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương ra Quyết định về việc áp dụng

biện pháp giáo dục tại phường thời gian 03 tháng về việc sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo ra đầu thú và bị bắt giam ngày 11/01/2017, có mặt.

Người bào chữa: Ông Trương Vinh Q, Luật sư văn phòng luật sư D thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Văn M và Trần Văn H, có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1940; thường trú: Khu phố L1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân H2, sinh năm 1972; thường trú: Khu phố L1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

2. Ông Đỗ Quốc T, sinh năm 1989; thường trú: Đường Q, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

3. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1971; thường trú: Khu phố L1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

4. Bà Bùi Thị Thùy L, sinh năm 1972; thường trú: Khu phố L1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Khu phố M1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1972; thường trú: Khu phố M1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

6. Bà Hồ Thị Ngọc B, sinh năm 1980; thường trú: Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

Người làm chứng:

1. Ông Lê Minh T, sinh năm 1983; thường trú: Khu phố Đ1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Bùi Minh T, sinh năm 1969; thường trú: Khu phố M2, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Ông Trần Tấn P, sinh năm 1996; thường trú: Thôn B, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Khu phố T, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 31/12/2016, bị cáo Trần Văn H rủ bị cáo Trần Văn M đi uống cà phê (H và M là anh em ruột). M sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 59X2 - 389.97 chở H, khi cả hai lưu thông trên đường Trần Hưng Đạo, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương gặp bà Nguyễn Thị L đang cầm túi xách bên tay phải đi bộ dưới lề đường, H nói với M “giật túi xách bà già kia”, M điều khiển xe áp sát phía bên phải bà L, H dùng tay trái giật túi xách bà L rồi cả hai tẩu thoát, bà L truy hô “cướp cướp” lúc này người đi đường dùng xe mô tô

truy đuổi M và H, khi M, H lưu thông đến ngã 4 giao nhau giữa đường Cô Giang và đường Nguyễn An Ninh thuộc địa bàn phường A bị anh Nguyễn Văn H1 dùng xe mô tô của mình đụng (tông) trúng. M, H, anh H1 và 2 xe mô tô ngã xuống đường, túi xách và tiền trong túi xách rơi ra đường, M nhặt túi xách bỏ chạy, H nhặt tiền rơi ra bỏ chạy, M chạy khoảng 200m thì bị người dân truy đuổi bắt giữ cùng túi xách, H trên đường bỏ chạy vấp tiền xuống đường sau đó đón xe về Thành phố Cần Thơ, ngày 11/01/2017 ra đầu thú tại Công an thị xã Dĩ An.

Vật chứng thu giữ: 01 túi xách bị đứt quai, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ZTE-GS202, 01 cuốn sổ ghi danh bạ điện thoại, 01 chùm chìa khóa, 395.200.000đồng, 03 tờ lịch ghi tiền hụi và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AriBlade, biển số 59X2-389.97.

Kết luận định giá tài sản số 52 ngày 23/3/2017, Hội đồng định giá tài sản thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu ZTE – GS202 trị giá 300.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị L khai nhận ngày 31/12/2016, bà mang theo 01 túi xách bên trong có số tiền 550.000.000đồng, điện thoại di động, sổ ghi danh bạ, chìa khóa, tờ lịch ghi hụi thì bị giật. Tiền gồm có 4.000.000đồng tiền riêng của bà, khoản tiền còn lại 546.000.000đồng đây là tiền hụi bà mang đi trả hụi cho Bùi Thị Thùy L, Lê Thị Kim T và Hồ Thị Ngọc B mỗi người 182.000.000đồng, sau khi bị giật bà đã nhận được số tiền 395.200.000đồng và điện thoại di động, khoản còn lại bà yêu cầu bị cáo M, H phải bồi thường 154.800.000đồng.

Cáo trạng số 150/QĐ/KSĐT ngày 15/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn H về tội Cướp giật tài sản theo Điểm b Khoản 3 Điều 136 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm b Khoản 3 Điều 136; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo M mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Điểm b Khoản 3 Điều 136; Điểm g, p Khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại L khai nhận bị chiếm đoạt 550.000.000đồng và 01 điện thoại di động trị giá 300.000đồng. Quá trình điều tra chỉ có cơ sở xác định bà L bị chiếm đoạt số tiền 395.200.000đồng và 01 điện thoại di động trị giá 300.000đồng, tổng tài sản bị chiếm đoạt 395.500.000đồng. Riêng số tiền 154.800.000đồng bà L khai bị chiếm đoạt, quá trình điều tra Công an thị xã Dĩ An tách tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

Bài bào chữa của luật sư: Thống nhất với việc truy tố, xét xử bị cáo M, H về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L khai nhận bị chiếm đoạt 550.000.000đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, chỉ có chứng cứ chứng minh số tiền bị chiếm đoạt 395.200.000đồng và trị giá điện thoại di động 300.000đồng, tổng tài sản chiếm đoạt 395.500.000đồng.

Các bị cáo nhất thời phạm tội, khi phạm tội các bị cáo không biết trong túi xách bà L có số tiền lớn như vậy, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình đang phải nuôi con còn nhỏ. Bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho các bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Trần Văn M: Bị cáo rất hối hận việc mình làm, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn H: Không nói lời sau cùng

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đối với trình bày, yêu cầu của người bị hại Nguyễn Thị L khai nhận thời điểm Trần Văn M, Trần Văn H giật túi xách thì trong túi xách của bà về tiền có 550.000.000đồng, bà đã nhận lại được 395.200.000đồng còn lại 154.800.000đồng bà yêu cầu bị cáo M, H có trách nhiệm bồi thường. Quá trình điều tra, truy tố. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có nhận đích tách riêng số tiền 154.800.000đồng để điều tra xác minh xử lý sau. Khi thụ lý hồ sơ vụ án Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An 02 lần để làm rõ số tiền bị cáo M, H chiếm đoạt là 550.000.000đồng hay 395.200.000đồng vì việc trên ảnh hưởng đến việc định khung hình phạt đối với các bị cáo cũng như liên quan đến việc bồi thường dân sự. Nhưng viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố trong việc bị cáo M, H chiếm đoạt tiền của bà L 395.200.000đồng và 01 điện thoại trị giá 300.000đồng, tổng tài sản chiếm đoạt 395.500.000đồng. Do vậy, căn cứ Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về giới hạn của việc xét xử. Tòa án xét xử theo khung hình phạt, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn H thừa nhận vào khoảng 09 giờ ngày 31/12/2016, khi M điều khiển xe mô tô AriBlade, biển số 59X2-389.97 chở H đi uống cà phê, trên đường đi H rủ M giật túi xách của bà Nguyễn Thị L đang đi bộ trên đường, M điều khiển xe mô tô áp sát bà L, H dùng

tay trái giật túi xách bà L sau đó cả hai tẩu thoát, tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt 395.500.000đồng.

Tại Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

a) Có tổ chức;

...

3. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%;

b) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo H, M sử dụng xe mô tô áp sát bà L giật túi xách vào ngày 31/12/2016. Hành vi trên đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản được quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 136 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 150/QĐ-KSDT ngày 15/5/2017 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn H là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản, sức khỏe của bà Nguyễn Thị L được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo M, H mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M, H không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội ngày 11/01/2017 bị cáo H đã ra đầu thú; các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết trên được quy định tại Điểm g, p Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo M, H có nhân thân xấu thể hiện việc các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, các bị cáo sử dụng ma túy và bị áp dụng giáo dục tại địa phương.

[4]. Trong vụ án có đồng phạm, bị cáo H là người rủ rê khởi xướng bị cáo M phạm tội, bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Bị cáo M, H tham gia thực hiện phạm tội với vai trò người thực hành. Do vậy, xét mức án bị cáo H cao hơn so với bị cáo M.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L khai nhận bị chiếm đoạt 550.000.000đồng và 01 điện thoại di động, quá trình điều tra bà L đã nhận được tài sản gồm 395.200.000đồng và điện thoại di động. Khoản tiền còn lại 154.800.000đồng bà L yêu cầu bị cáo M, H phải bồi thường. Tuy nhiên quá trình điều tra cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có nhận định tách khoản tiền này ra để tiếp tục xác minh xử lý sau. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Quá trình điều tra thu giữ xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 59X2 -389.97 bị cáo H, M sử dụng vào việc phạm tội. Xe trên là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Xuân H2, bà H2 cho M mượn xe sử dụng và không biết M, H sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra Công an thị xã Dĩ An đã trả lại xe trên cho bà H2 là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Đối với bài bào chữa của luật sư cho bị cáo M, H đưa các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Quan điểm trên phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Đối với mức hình phạt các bị cáo, xét hành vi phạm tội của các bị cáo hết sức manh động, nguy hiểm, ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[8] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo M, H. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo M, H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn M (tên gọi khác: C), Trần Văn H (tên gọi khác: B) phạm tội Cướp giật tài sản.

Áp dụng Điểm b Khoản 3 Điều 136; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2016.

Áp dụng Điểm b Khoản 3 Điều 136; Điểm g, p Khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Trần Văn M, Trần Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (01)
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Linh